

Hà Tĩnh, ngày 25 tháng 01 năm 2024

Số: 30/QĐ-ĐDNCC&BTXH

## QUYẾT ĐỊNH

### Về việc công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2024 của Trung tâm Điều dưỡng NCC và BTXH Hà Tĩnh.

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ và Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính;

Căn cứ quyết định số 780/QĐ-SLĐTBXH ngày 16/01/2024 của Sở Lao động thương binh và Xã hội Hà Tĩnh về việc giao dự toán ngân sách nhà nước cho các đơn vị hành chính, sự nghiệp, các tổ chức, đơn vị cấp tỉnh năm 2024;

Xét đề nghị của bộ phận kế toán,

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2024 của Trung tâm Điều dưỡng người có công và Bảo trợ xã hội Hà Tĩnh (Kèm theo Biểu số 2 - Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính).

- Hình thức công khai: Thực hiện đăng tải trên trang thông tin điện tử: ddncbtxhhatinh.vn và dán trên bản tin của Trung tâm Điều dưỡng người có công và Bảo trợ xã hội Hà Tĩnh.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Phòng Tổ chức – Hành chính tổng hợp, Bộ phận kế toán và các Phòng, bộ phận liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

#### Nơi nhận:

- Sở LĐ-TBXH;
- Ban Giám đốc Trung tâm
- Các Phòng, bộ phận;
- Lưu: VT, Kế toán



Trần Viết Tới

Đơn vị: TRUNG TÂM ĐIỀU DƯỠNG NCC&BTXH HÀ TĨNH

Chương: 424

**DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**

(Kèm theo Quyết định số 780/QĐ-SLĐTBXH ngày 16/01/2024 của Sở Lao động thương binh và Xã hội Hà Tĩnh)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đvt: VNĐ

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	
I	Nguồn ngân sách trong nước	
5	Chi Sự nghiệp (bảo đảm xã hội)	10.878.000
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên (370-371)	5.928.000
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên (370-398)	4.150.000
1	Kinh phí phục vụ đối tượng nuôi dưỡng theo NQ98	850.000
2	Kinh phí phục vụ đối tượng nuôi dưỡng theo NĐ20	2.780.000
2	Tiền trực theo thông tư 10/2014/TTLT-BYT-BNV-BTC-BLĐTBXH	95.000
4	Chi mua sắm, sửa chữa nhỏ	200.000
5	Chi các khoản khác	225.000
5.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên (370-371)	800.000
1	Kinh phí phục vụ đối tượng NCC đi tham quan địa chỉ đỏ theo NQ98/2018/NQ-HĐND:	800.000